

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

Ông Nguyễn Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Ngọc C - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 3, xã BN, huyện TS, tỉnh Bình Định.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn HM, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Anh C có mặt tại phiên tòa, chị N vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Ngọc C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau, không ai mai mối và đăng ký kết hôn tại UBND xã BN, huyện TS vào ngày 28/7/2010. Sau cưới

vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh ở xã BN, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn không hòa thuận nên chị N đã bỏ nhà đi hơn 04 năm nay, chị N đi đâu anh không rõ, cách đây vài tháng chị N có về nhà cha mẹ ruột ở xã BT, nhưng chị N không liên lạc gì với anh cũng không về thăm con, nên anh thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc T, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/5/2011 và cháu Trần Thị Ngọc V, (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/02/2013, hiện 02 cháu đang ở với anh C, vì khi chị N bỏ nhà đi đã để 02 cháu do anh C nuôi dưỡng đến nay, khi ly hôn anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu đến trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do:

Về các thủ tục về giải quyết ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về việc anh C xin ly hôn, nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản hoặc quan điểm gửi Tòa án, vì vậy Tòa án không biết quan điểm chị N về những nội dung anh C yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị N. Về nội dung: Áp dụng Điều 8, 9, 56 và 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc C, cho anh Trần Ngọc C được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/5/2011 và cháu Trần Thị Ngọc V, (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/02/2013 cho anh C nuôi dưỡng vì cháu T và cháu V đều có nguyện vọng ở với anh C. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh C không yêu cầu. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự. Chị Nguyễn Thị N là bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do, căn cứ quy định tại các điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc C và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào ngày 28/7/2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã

BN, huyện TS, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh C trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận thường xảy ra cãi vã nên năm 2018 chị N bỏ nhà đi sau đó về vợ chồng chung sống được 01 tháng lại xảy ra mâu thuẫn nên từ cuối năm 2018 chị N bỏ đi luôn, chị N đi đâu anh không rõ, cách đây vài tháng chị N có về nhà cha mẹ ruột ở xã BT, nhưng chị N không liên lạc gì với anh cũng không về thăm con, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh C xác định không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 27/6/2022 của Công an xã BT, hiện chị N có hộ khẩu thường trú tại thôn HM, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định và đang sinh sống tại địa phương, nguyên nhân tình trạng hôn nhân và con chung của anh C và chị N địa phương không nắm được. Việc chị N không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi đến Tòa án chứng tỏ chị N không có trách nhiệm với hôn nhân của chính mình. Tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc T, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/5/2011 và cháu Trần Thị Ngọc V, (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/02/2013, hai cháu T và V từ khi chị N bỏ đi năm 2018 đến nay hai cháu do anh C chăm sóc nuôi dưỡng, hiện hai cháu đang học trường Lê Văn T ở thành phố KT, tỉnh KT, khi ly hôn cháu T và cháu V đều có nguyện vọng ở với anh C, anh C đồng ý nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu T và cháu V đều có nguyện vọng ở với anh C, chị N đã bỏ nhà đi 04 năm nay không quan tâm đến các con, không có trách nhiệm gì với các con. Vì vậy giao con chung Trần Ngọc T, Trần Thị Ngọc V cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh C nhận trách nhiệm nuôi các con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của anh C nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007293 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;*

*Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .*

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Trần Ngọc C.
2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc C được ly hôn chị Nguyễn Thị N.
3. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/5/2011 và cháu Trần Thị Ngọc V, (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/02/2013 cho anh Trần Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh C không yêu cầu.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu, nên không xét.
5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007293 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Nghi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Minh Trí**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**